

**ĐẠI HỌC QUỐC GIA THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH
TRƯỜNG ĐẠI HỌC KHOA HỌC XÃ HỘI VÀ NHÂN VĂN**

NGUYỄN KHẮC TRUNG

**MỐI QUAN HỆ GIỮA PHÁT TRIỂN KINH TẾ
VÀ THỰC HIỆN CHÍNH SÁCH XÃ HỘI
Ở TỈNH KIÊN GIANG HIỆN NAY**

Ngành: CNDVBC & CNDVLS

Mã số: 9229002

**TÓM TẮT LUẬN ÁN TIẾN SĨ CHỦ NGHĨA DUY VẬT
BIỆN CHỨNG VÀ CHỦ NGHĨA DUY VẬT LỊCH SỬ**

THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH - NĂM 2025

Công trình được hoàn thành tại:
ĐẠI HỌC QUỐC GIA THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH
TRƯỜNG ĐẠI HỌC KHOA HỌC XÃ HỘI VÀ NHÂN VĂN

Người hướng dẫn khoa học:
PGS.TS Vũ Văn Gầu

Phản biện độc lập 1:

Phản biện độc lập 2:

Phản biện độc lập 3:

Phản biện 1:

Phản biện 2:

Phản biện 3:

Luận án được bảo vệ trước Hội đồng đánh giá luận án tại:
Trường Đại học Khoa học Xã hội và Nhân văn - Đại học Quốc gia
Thành phố Hồ Chí Minh

Vào hồigiờ ngày ...tháng ...năm

Bạn đọc có thể tìm hiểu luận án tại thư viện:

1. Thư viện Trung tâm - Đại học Quốc gia Thành phố Hồ Chí Minh
2. Thư viện Trường Đại học Khoa học Xã hội và Nhân văn - Đại học Quốc gia Thành phố Hồ Chí Minh
3. Thư viện Khoa học Tổng hợp Thành phố Hồ Chí Minh

A. PHẦN MỞ ĐẦU

1. Tính cấp thiết của đề tài

Phát triển kinh tế và thực hiện chính sách xã hội là vấn đề có vai trò quan trọng đối với phát triển bền vững xã hội. Trong quá trình đổi mới toàn diện đất nước, Đảng và Nhà nước ta luôn khẳng định “Gắn kết chặt chẽ, hài hòa giữa phát triển kinh tế với phát triển văn hóa và thực hiện tiến bộ, công bằng xã hội, nâng cao đời sống nhân dân”¹ Bởi lẽ phát triển kinh tế và thực hiện chính sách xã hội xét đến cùng là vì con người – chủ thể của quá trình phát triển. Phát triển kinh tế thị trường theo định hướng xã hội chủ nghĩa được đề cập đến tận dụng tối đa nguồn lực con người - nhân tố chính trong quá trình phát triển này. Trong báo cáo phát triển con người của Liên Hiệp Quốc năm 1995 khẳng định “Phát triển có ý nghĩa gì nếu không quan tâm đến đời sống của con người. Mục đích phát triển kinh tế xét đến cùng chỉ là phương tiện để phục vụ sự phát triển con người”² (UNDP, 1995, tr.118). Để thực hiện mục tiêu trên, chủ trương của Đảng Cộng sản Việt Nam là xây dựng nền kinh tế hàng hóa nhiều thành phần, hoạt động theo cơ chế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa, phù hợp với khả năng và điều kiện phát triển của Việt Nam.

Sau gần 40 năm thực hiện đường lối đổi mới đã đạt được những thành tựu quan trọng: kinh tế phát triển mạnh mẽ, thể chế kinh tế thị trường theo định hướng xã hội chủ nghĩa dần được hoàn thiện và phát triển. Nền kinh tế đã hội nhập ngày càng sâu rộng với kinh tế toàn cầu, mở ra nhiều cơ hội mới cho sự phát triển của đất nước; đời sống vật chất, tinh thần của phần lớn người dân được nâng cao, nhiều vấn đề xã hội cũng được giải quyết hiệu quả. Quá trình này còn góp phần xây dựng và củng cố sự ổn định chính trị - xã hội, tạo dựng nền tảng vật chất, tinh thần vững chắc cho đất nước bước vào một kỷ nguyên mới - kỷ nguyên đẩy mạnh công nghiệp hóa, hiện đại hóa và chủ động hội nhập sâu rộng với nền kinh tế thế giới. Mặc dù đã đạt được nhiều kết quả tích cực nhưng sự gắn kết giữa hai lĩnh vực này chưa chặt chẽ, chính sách xã hội đôi khi vẫn bị xem như hệ quả phụ thuộc của tăng trưởng thay vì là một bộ phận hữu cơ, đồng hành trong quá trình phát triển. Các vấn đề như thiếu việc làm, thất nghiệp, đói nghèo, bất bình đẳng về thu nhập và cơ hội, cùng với tình trạng ô nhiễm và suy thoái môi trường đang trở thành

¹ Đảng cộng sản Việt Nam. (2021). Văn kiện đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XIII. Hà Nội: Nxb Chính trị quốc gia Sự thật, tr 134.

² UNDP. (1995). *Human Development Report 1995*. Oxford University Press.

những rào cản đáng kể, kìm hãm mục tiêu phát triển bền vững của đất nước. Kết hợp hài hòa giữa tăng trưởng kinh tế và chính sách xã hội đóng vai trò quan trọng trong việc bảo đảm sự phát triển toàn diện của con người. “Phát triển nhanh phải đi đôi với phát triển bền vững...gắn tăng trưởng kinh tế với phát triển văn hóa, phát triển toàn diện con người, thực hiện dân chủ, tiến bộ, công bằng xã hội, tạo nhiều việc làm, cải thiện đời sống, khuyến khích làm giàu hợp pháp đi đôi với xóa đói, giảm nghèo....”³

Kiên Giang là tỉnh nằm ở cực Tây - Nam của Tổ quốc, có vùng đất, vùng trời, vùng biển, hải đảo phong phú, chứa đựng cả những yếu tố thuận lợi và bất lợi cho phát triển kinh tế - xã hội. Kinh tế Kiên Giang luôn đạt mức tăng trưởng khá trong khu vực “Duy trì tốc độ tăng trưởng kinh tế khá, cơ cấu kinh tế chuyển dịch tích cực... Diện mạo đô thị, nông thôn và các hải đảo có nhiều khởi sắc. Các lĩnh vực văn hóa, xã hội tiếp tục phát triển, đời sống vật chất và tinh thần của nhân dân được nâng lên, tỷ lệ hộ nghèo giảm mạnh...”⁴.

Bên cạnh những thuận lợi về vị trí địa lý và nguồn lực con người, Kiên Giang vẫn đang đối mặt với nhiều thách thức trong quá trình phát triển kinh tế gắn với thực hiện chính sách xã hội. Tăng trưởng kinh tế chưa phát huy hết tiềm năng, đời sống của người dân tại các vùng sâu, vùng xa, khu vực biên giới và nơi có đông đồng bào dân tộc thiểu số vẫn còn nhiều khó khăn. Tỷ lệ hộ nghèo và nguy cơ tái nghèo vẫn ở mức cao, sự phân hóa giàu nghèo và chênh lệch về điều kiện sống giữa các vùng miền ảnh hưởng trực tiếp đến mục tiêu phát triển bền vững và ổn định xã hội của tỉnh.

Vì vậy, việc nghiên cứu mối quan hệ giữa phát triển kinh tế và thực hiện chính sách xã hội có ý nghĩa thiết thực cả về mặt lý luận lẫn thực tiễn. Kết quả nghiên cứu không chỉ góp phần xác định các giải pháp nhằm nâng cao hiệu quả phối hợp giữa hai lĩnh vực trong quá trình hoạch định và triển khai chính sách, mà còn giúp Đảng bộ, chính quyền, các sở, ban, ngành và người dân trong tỉnh nhận thức rõ hơn về vai trò của mối quan hệ này, từ đó có cơ sở khoa học để xây dựng và thực hiện chính sách kinh tế – xã hội một cách phù hợp và hiệu quả. Trên cơ sở đó, tác giả lựa chọn đề tài “*Mối quan*

³ Đảng cộng sản Việt Nam. (2006). *Văn kiện đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ X*. Hà Nội: Nxb Chính trị quốc gia, tr 178-179

⁴ Tỉnh ủy Kiên Giang. (2020). *Văn kiện đại hội đại biểu đảng bộ tỉnh lần thứ XI, nhiệm kỳ 2020 - 2025*. Kiên Giang, tr 70-71

hệ giữa phát triển kinh tế và thực hiện chính sách xã hội ở tỉnh Kiên Giang hiện nay” làm nội dung nghiên cứu cho luận án tiến sĩ ngành Chủ nghĩa duy vật biện chứng và chủ nghĩa duy vật lịch sử.

2. Tổng quan tình hình nghiên cứu của đề tài

Hướng thứ nhất: Nghiên cứu về kinh tế, phát triển kinh tế, vai trò của phát triển kinh tế và những yếu tố ảnh hưởng đến phát triển kinh tế

Trong nghiên cứu về vấn đề này có: Adam Smith *"Của cải của các dân tộc"*; *"Kinh tế học cho thế giới thứ ba"* của Michael P. Todaro; *"Phát triển là quyền tự do"*; Amartya Sen; *"Các quy luật đích thực của nền kinh tế"*, của Jacques G  n  reux; *"Nền kinh tế 99% cách thức chủ nghĩa xã hội vượt qua khủng hoảng của chủ nghĩa tư bản"* của Tác giả Paul S. Adler; Nguyễn Mạnh Hùng với *"Kinh tế - xã hội Việt Nam hướng tới chất lượng tăng trưởng và hội nhập"*; Nguyễn Văn Thường với *"Tăng trưởng kinh tế Việt Nam - những rào cản cần phải vượt qua"*; *"Phát triển nhanh và bền vững của nền kinh tế Việt Nam thời kỳ 2011 - 2020"* của tác giả Bùi Tất Thắng. *"Mô hình tăng trưởng kinh tế"* của Trần Văn Tùng và Nguyễn Trọng Hậu; Lại Lâm Anh *"Phát triển kinh tế biển của Trung Quốc, Malaysia và Singapore: Gợi ý chính sách cho Việt Nam"*; Trần Đình Thiên *"Các thành phần kinh tế Việt Nam – vấn đề và định hướng chính sách"*; Đặng Kim Sơn *"Đổi mới mô hình tăng trưởng kinh tế Việt Nam"*; Vũ Văn Phúc – Phạm Minh Chính *"Hội nhập kinh tế quốc tế - 30 năm nhìn lại"*; *"Bẫy thu nhập trung bình – bài học cho Việt Nam"* của Ban tuyên giáo Trung ương - Ban kinh tế Trung ương; Lương Xuân Quỳ *"Tư duy mới về phát triển kinh tế xã hội Việt Nam trong bối cảnh mới"*. Nguyễn Quang Thuấn *"Giải pháp phát triển bền vững vùng Tây Nam Bộ trong bối cảnh mới"*

Hướng thứ hai: Nghiên cứu vấn đề về chính sách xã hội và mối quan hệ giữa phát triển kinh tế với thực hiện chính sách xã hội trong quá trình đổi mới ở Việt Nam.

"Social Security Today and Tomorrow" của Robert M. Ball; *"Social Security in Developing Countries"* của các tác giả Ehtisham Ahmad, Jean Dr  ze, John Hills và Amartya Sen; Trần Nh  m *"Tư duy lý luận với sự nghiệp đổi mới"*; Vũ Văn Phúc, Trần Thị Minh Châu *"Chính sách hỗ trợ của nhà nước ta đối với nông dân trong điều kiện hội nhập WTO"*; Nguyễn Thị Thanh với công trình *"Đảng lãnh đạo thực hiện chính sách xã hội trong thời kỳ đổi mới"*; Đinh Xuân Lý *"Đảng Cộng sản Việt Nam lãnh đạo thực hiện chính sách xã*

hội trong 25 năm đổi mới 1986 – 2011”; Phạm Đức Kiên “*Đảng lãnh đạo kết hợp phát triển kinh tế và thực hiện chính sách xã hội từ 1991 đến nay*”; Vũ Văn Phúc- Nguyễn Duy Hùng “*Phát triển nguồn nhân lực, đáp ứng yêu cầu công nghiệp hóa, hiện đại hóa và hội nhập quốc tế*”; Lê Quốc Lý “*Chính sách an sinh xã hội - thực trạng và giải pháp*”; Ngô Ngọc Thắng - Đoàn Minh Huân “*Một số lý thuyết về phát triển xã hội và quản lý phát triển xã hội*”; Nguyễn Thị Nga “*Quan hệ giữa tăng trưởng kinh tế và công bằng xã hội ở Việt Nam thời kỳ đổi mới - Vấn đề và giải pháp*”; Hoàng Đức Thân - Đinh Quang Ty “*Tăng trưởng kinh tế và tiến bộ, công bằng xã hội ở Việt Nam*”; Nguyễn Văn Phúc “*Phân tích và đánh giá chính sách*”; Phạm Xuân Nam “*Đổi mới chính sách xã hội – Luận cứ và giải pháp*”; “*Một số vấn đề phát triển xã hội ở Việt Nam trong tiến trình đổi mới – Luận cứ và giải pháp*”; Bùi Ngọc Thanh, Nguyễn Hữu Dũng, Phạm Đỗ Nhật Tân “*Nghiên cứu chính sách xã hội ở nông thôn Việt Nam*”; Mai Ngọc Cường “*Một số vấn đề cơ bản về chính sách xã hội ở Việt Nam hiện nay*”; Hồ Sỹ Quý “*Tiến bộ xã hội – Một số vấn đề về mô hình phát triển ở Đông Á và Đông Nam Á*”; Phan Huy Đường “*Chính sách xã hội: các vấn đề và sự lựa chọn theo hướng phát triển bền vững*”; Đinh Công Tuấn “*Hệ thống an sinh xã hội của một số nước EU giai đoạn hậu khủng hoảng tài chính - kinh tế toàn cầu*”.

Hướng thứ ba: nghiên cứu về kinh tế, văn hóa, xã hội ở Kiên Giang

Các công trình nghiên cứu về kinh tế - xã hội Kiên Giang chưa nhiều. Mỗi nghiên cứu chỉ đề cập đến một hay một vài khía cạnh của vấn đề. Có thể kể đến một số công trình như: Trần Xuân Hoàng (chủ biên) “*Kiên Giang điểm hẹn*”; Tỉnh ủy Kiên Giang “*Xây dựng hệ thống chính trị cơ sở ở Kiên Giang trong giai đoạn mới*”; Nguyễn Đình Bình “*Phát triển kinh tế biển Kiên Giang trong tiến trình hội nhập kinh tế quốc tế*”, Luận án tiến sỹ kinh tế chính trị, trường Đại học Kinh tế - Luật, ĐHQGTPHCM; Hà Thanh Toàn, Nguyễn Thanh Bình và Văn Phạm Đăng Trí “*Tiềm năng phát triển nông lâm thủy sản và kinh tế biển tỉnh Kiên Giang trong bối cảnh Đồng bằng sông Cửu Long và kết nối quốc tế*” Tạp chí khoa học đại học Cần Thơ số 3B (2022). Vũ Tuấn Hưng và cộng sự “*Phát triển bền vững du lịch biển thành phố đảo Phú Quốc, tỉnh Kiên Giang*”; Nguyễn Ngọc Thư “*Du lịch thành phố Phú Quốc tiềm năng, thực trạng và giải pháp phát triển bền vững*”; Phù Khải Hùng “*Khai thác du lịch biển đảo Phú Quốc: Một số vấn đề đặt ra cho phát triển bền vững*”; Lê Thị Huyền “*Di tích văn hóa - lịch sử trong phát triển du lịch ở thành phố Phú*

Quốc, tỉnh Kiên Giang hiện nay”; Sở du lịch Kiên Giang “*Kết quả thu hút đầu tư và phát triển du lịch Phú Quốc giai đoạn 2015 – 2022*”. Để thực hiện luận án, tác giả nghiên cứu, trích dẫn, tham khảo những văn bản của Chính phủ, Tỉnh ủy, Hội đồng nhân dân, ủy ban nhân dân tỉnh Kiên Giang trong chỉ đạo, triển khai, thực hiện các mục tiêu kinh tế - xã hội của tỉnh Kiên Giang.

3. Mục đích và nhiệm vụ nghiên cứu của luận án

3.1. Mục đích của luận án

Luận án phân tích làm rõ cơ sở lý luận về mối quan hệ giữa phát triển kinh tế và thực hiện chính sách xã hội, phân tích, làm rõ thực trạng mối quan hệ giữa phát triển kinh tế và thực hiện chính sách xã hội ở tỉnh Kiên Giang. Tìm ra nguyên nhân của thực trạng và đề xuất những phương hướng cơ bản, giải pháp chủ yếu nhằm giải quyết hiệu quả mối quan hệ giữa phát triển kinh tế và thực hiện chính sách xã hội ở tỉnh Kiên Giang.

3.2. Nhiệm vụ nghiên cứu của luận án

Thứ nhất, luận án trình bày, phân tích và làm rõ lý luận về phát triển kinh tế; chính sách xã hội, phân loại chính sách xã hội, thực hiện chính sách xã hội và mối quan hệ giữa phát triển kinh tế và thực hiện chính sách xã hội;

Thứ hai, phân tích, đánh giá thực hiện mối quan hệ giữa phát triển kinh tế và thực hiện chính sách xã hội và chỉ ra nguyên nhân của thực trạng đó;

Thứ ba, đề xuất phương hướng và giải pháp cơ bản để thực hiện hiệu quả mối quan hệ giữa phát triển kinh tế và thực hiện chính sách xã hội ở tỉnh Kiên Giang trong thời gian tiếp theo.

4. Đối tượng và phạm vi nghiên cứu của luận án

4.1. Đối tượng nghiên cứu của luận án: Nghiên cứu mối quan hệ giữa phát triển kinh tế và thực hiện chính sách xã hội ở tỉnh Kiên Giang.

4.2. Phạm vi nghiên cứu của luận án: Luận án tập trung nghiên cứu thực trạng mối quan hệ giữa phát triển kinh tế và thực hiện chính sách xã hội ở tỉnh Kiên Giang từ năm 2000 đến nay.

5. Cơ sở lý luận và phương pháp nghiên cứu của luận án

5.1. Cơ sở lý luận của luận án: Luận án được thực hiện trên cơ sở thế giới quan và phương pháp luận của chủ nghĩa duy vật biện chứng và chủ nghĩa duy vật lịch sử, cùng với tư tưởng Hồ Chí Minh và những quan điểm, chủ trương, đường lối của Đảng Cộng sản Việt Nam về vị trí, vai trò và biện

pháp giải quyết mối quan hệ giữa phát triển kinh tế và thực hiện chính sách xã hội hiện nay.

5.2. Phương pháp nghiên cứu của luận án: Luận án được thực hiện thông qua sử dụng các phương pháp nghiên cứu: phương pháp thống nhất giữa lịch sử và logic, phương pháp phân tích và tổng hợp, phương pháp so sánh - đối chiếu, phương pháp thống kê. Những phương pháp này được tác giả sử dụng trong quá trình nghiên cứu, đồng thời phục vụ hiệu quả cho việc thực hiện và hoàn thành các nhiệm vụ nghiên cứu mà luận án đề ra.

6. Điểm mới của luận án

Một là, trên cơ sở lý luận chung về phát triển kinh tế, thực hiện chính sách xã hội và mối quan hệ giữa phát triển kinh tế và thực hiện chính sách xã hội đối với quá trình phát triển, luận án phân tích, đánh giá và chỉ ra nguyên nhân thực trạng mối quan hệ giữa phát triển kinh tế và thực hiện chính sách xã hội trong điều kiện tỉnh Kiên Giang;

Hai là, đề xuất phương hướng cơ bản và các giải pháp chủ yếu nhằm thực hiện hiệu quả mối quan hệ giữa phát triển kinh tế và thực hiện chính sách xã hội ở tỉnh Kiên Giang trong thời gian tới.

7. Ý nghĩa khoa học và ý nghĩa thực tiễn của luận án

7.1. Ý nghĩa khoa học của luận án: Luận án góp phần hệ thống hóa các vấn đề lý luận liên quan đến kinh tế, tăng trưởng, phát triển kinh tế, chính sách xã hội và thực hiện chính sách xã hội. Từ đó, nó làm sáng tỏ mối quan hệ giữa phát triển kinh tế và thực hiện chính sách xã hội ở Việt Nam.

7.2. Ý nghĩa thực tiễn của luận án: Từ những phân tích, đánh giá thực trạng và phương hướng, giải pháp nâng cao hiệu quả của mối quan hệ giữa phát triển kinh tế và chính sách xã hội ở tỉnh Kiên Giang. Những kết quả này có thể phục vụ làm tài liệu tham khảo cho Đảng bộ, chính quyền và các cơ quan liên quan tại Kiên Giang trong việc xây dựng và triển khai các chủ trương, biện pháp thúc đẩy phát triển kinh tế và thực hiện chính sách xã hội. Bên cạnh đó, luận án cũng có thể được sử dụng làm nguồn tài liệu hữu ích cho sinh viên và học viên trong các lĩnh vực Triết học, Chính trị học và Kinh tế - Xã hội trong quá trình học tập và nghiên cứu.

8. **Kết cấu của luận án.** Ngoài phần mở đầu, kết luận, danh mục tài liệu tham khảo, luận án được kết cấu gồm 3 chương, 6 tiết và 19 tiểu tiết.

B. PHẦN NỘI DUNG

Chương 1

LÝ LUẬN CHUNG VỀ MỐI QUAN HỆ GIỮA PHÁT TRIỂN KINH TẾ

VÀ THỰC HIỆN CHÍNH SÁCH XÃ HỘI

1.1. KHÁI NIỆM VỀ PHÁT TRIỂN KINH TẾ VÀ THỰC HIỆN CHÍNH SÁCH XÃ HỘI

1.1.1.... Khái niệm phát triển kinh tế

Kinh tế là một hệ thống phức tạp, bao gồm các mối quan hệ tương tác giữa con người và xã hội, chủ yếu liên quan đến các hoạt động sản xuất, trao đổi, phân phối và tiêu thụ hàng hóa và dịch vụ. Mục tiêu chính của phát triển kinh tế là để đáp ứng các nhu cầu ngày càng cao của con người trong xã hội.

Tăng trưởng kinh tế: được dùng để chỉ sự biến đổi về quy mô của nền kinh tế một quốc gia. Để đánh giá thành tựu sản xuất xã hội hàng năm và so sánh mức độ phát triển kinh tế giữa các quốc gia trên bình diện quốc tế, các nền kinh tế thường áp dụng hai chỉ số tổng hợp chính là tổng sản phẩm quốc dân (GNP) và tổng sản phẩm quốc nội (GDP). Các yếu tố để thúc đẩy tăng trưởng kinh tế gồm: nguồn nhân lực, nguồn tài nguyên tự nhiên, tư bản, công nghệ.

Phát triển kinh tế: Phát triển kinh tế là quá trình tăng trưởng và cải thiện mức độ phát triển của nền kinh tế tại một quốc gia hoặc khu vực. Nó bao gồm năng suất và hiệu quả sản xuất đầu tư, tăng trưởng công nghiệp và dịch vụ, giảm nghèo, tăng thu nhập, cải thiện chất lượng cuộc sống và nâng cao trình độ giáo dục và y tế.

Phát triển kinh tế không chỉ là sự tăng trưởng liên tục mà còn phải đảm bảo tính hiệu quả và bền vững của các chỉ số kinh tế như quy mô và tốc độ tăng thu nhập bình quân đầu người hàng năm. Quá trình này được thúc đẩy bởi nhiều yếu tố bao gồm nguồn nhân lực chất lượng, khoa học, công nghệ, vốn và tài nguyên thiên nhiên trong điều kiện của một cơ cấu kinh tế hợp lý.

1.1.2. Khái niệm thực hiện chính sách xã hội

Khái niệm về chính sách xã hội

Chính sách xã hội là một bộ phận cấu thành chính sách chung của một chính Đảng hay chính quyền nhà nước để điều chỉnh các quan hệ xã hội và giải

quyết những vấn đề xã hội đặt ra nhằm mục đích đáp ứng các nhu cầu cuộc sống chính đáng của con người, tạo ra động lực phát triển xã hội đảm bảo sự ổn định và phát triển của xã hội.

Mục tiêu của chính sách xã hội: Hướng đến việc nâng cao đời sống vật chất và tinh thần cho con người, góp phần bảo đảm sự ổn định xã hội, thúc đẩy phát triển con người và phát triển xã hội bền vững.

Chủ thể ban hành chính sách xã hội: Là các tổ chức chính trị có vai trò lãnh đạo và quản lý xã hội với vai trò quan trọng của Nhà nước – chủ thể có thẩm quyền hoạch định và thực thi chính sách điều tiết các quan hệ xã hội.

Nội dung của chính sách xã hội: Bao gồm hệ thống các chính sách cụ thể được xây dựng nhằm giải quyết những vấn đề xã hội cấp thiết, thông qua việc điều chỉnh các quan hệ xã hội nhất định, liên quan đến con người và cộng đồng.

Đặc điểm cơ bản của chính sách xã hội: Luôn gắn bó mật thiết và thống nhất với chính sách kinh tế, đồng thời hướng đến các giá trị cốt lõi như công bằng, tiến bộ và dân chủ trong xã hội.

Phân loại chính sách xã hội. Chính sách xã hội là sự cụ thể hóa và thể chế hóa các đường lối, chủ trương, và pháp luật, nhằm điều chỉnh và giải quyết các vấn đề xã hội, cũng như điều chỉnh các mối quan hệ về lợi ích trong đời sống xã hội hiện thực. Bởi vậy, nó bao gồm một hệ thống chính sách. Tùy theo cách tiếp cận mà có những cách phân loại khác nhau:

Dựa trên các mối quan hệ giữa cá nhân - cộng đồng - xã hội: chính sách xã hội được chia 3 nhóm: *thứ nhất* xuất phát từ trách nhiệm và nghĩa vụ của toàn xã hội đối với mỗi cá nhân. Chính sách xã hội hướng cải thiện điều kiện *vật chất, phát triển văn hóa và thúc đẩy quá trình dân chủ hóa xã hội*. Thứ hai, nhiệm vụ của chính sách xã hội là định hình nhu cầu của con người theo tiêu chuẩn hợp lý, thiết lập hướng đi cơ bản cho mọi người, cộng đồng. Thứ ba, xuất phát từ việc *điều tiết lợi ích và quan hệ giữa các tầng lớp xã hội*, cũng như định hình cơ cấu giai cấp xã hội một cách hợp lý, phù hợp với điều kiện phát triển kinh tế và định hướng chiến lược của quốc gia;

Căn cứ từ nhu cầu của nhân dân, chính sách xã hội gồm: *Thứ nhất*, biện pháp tác động bằng pháp luật để điều chỉnh các điều kiện lao động và giải quyết xung đột lao động. *Thứ hai*, các biện pháp nhằm đáp ứng những nhu cầu chung của tất cả mọi người, như chính sách chăm sóc sức khỏe cộng đồng, xây dựng hệ thống giáo dục đáp ứng nhu cầu học tập của nhân dân,

phòng ngừa và đấu tranh chống lại các tệ nạn xã hội và bảo vệ môi trường sinh thái.

Dựa vào tính chất và phạm vi tác động: chính sách xã hội được chia làm bốn nhóm: *Thứ nhất*, chính sách xã hội lĩnh vực kinh tế, xã hội và văn hóa; *Thứ hai*, các chính sách xã hội lĩnh vực cơ bản như giáo dục, y tế, và văn hóa. *Thứ ba*, chính sách xã hội thực hiện chính sách ưu đãi người có công, chính sách lao động-việc làm, chính sách xóa đói - giảm nghèo, chính sách đối với người cao tuổi và những đối tượng tham gia vào việc phòng chống các tệ nạn xã hội. *Thứ tư*, chính sách xã hội đối với các nhóm đối tượng yếu thế như người già không nơi nương tựa, người tàn tật, trẻ mồ côi, cơ nhỡ.

Thực hiện chính sách xã hội là một chương trình hành động có mục đích, được triển khai bởi một hay nhiều chủ thể nhằm giải quyết các vấn đề xã hội. Mục tiêu của việc thực hiện chính sách xã hội là phát triển các lĩnh vực văn hóa và xã hội hài hòa với sự phát triển kinh tế, nâng cao thu nhập và chất lượng cuộc sống, tạo cơ hội tiếp cận các nguồn lực phát triển, đồng thời hưởng thụ các dịch vụ cơ bản và phúc lợi xã hội; huy động nguồn lực để xóa đói, giảm nghèo bền vững và giảm bất bình đẳng trong xã hội. Hoàn thiện hệ thống chính sách, kết hợp chặt chẽ các mục tiêu, chính sách kinh tế với các mục tiêu chính sách xã hội; thực hiện tốt tiến bộ, công bằng xã hội trong từng bước, từng chính sách phát triển phù hợp với điều kiện cụ thể, bảo đảm phát triển bền vững.

Sự thống nhất giữa mục tiêu chính sách xã hội và mục tiêu phát triển kinh tế thể hiện ở chỗ đều tập trung phát huy vai trò con người và phục vụ lợi ích con người. Phát triển kinh tế hài hòa với phát triển văn hóa, giữa đời sống vật chất và tinh thần. Trong đó, phát triển kinh tế là điều kiện tiên quyết, cung cấp cơ sở vật chất cho việc thực hiện chính sách xã hội, đồng thời việc triển khai, thực hiện chính sách xã hội khoa học và đúng đắn sẽ tạo động lực nội sinh thúc đẩy tăng trưởng kinh tế bền vững. Hiệu quả của việc thực hiện chính sách xã hội được thể hiện ở quá trình Nhà nước cụ thể hóa hệ thống chính sách thành hành động thực tiễn, phản ánh đúng đặc điểm và yêu cầu phát triển của đất nước trong từng giai đoạn. Mục tiêu là giải quyết kịp thời, hiệu quả các vấn đề xã hội bức thiết, qua đó góp phần thu hẹp bất bình đẳng xã hội.

1.2. MỐI QUAN HỆ GIỮA PHÁT TRIỂN KINH TẾ VÀ THỰC HIỆN CHÍNH SÁCH XÃ HỘI

1.2.1. Một số quan điểm về mối quan hệ giữa phát triển kinh tế và thực hiện chính sách xã hội

Thứ nhất, quan điểm ưu tiên cho tăng trưởng kinh tế bằng mọi giá: Tăng trưởng kinh tế là một bộ phận của phát triển kinh tế ở mỗi quốc gia trong từng giai đoạn nhất định. Nó chính là yếu tố vật chất để đảm bảo sự phát triển và phát triển bền vững. Tăng trưởng kinh tế được xem là một tiêu chí quan trọng để đánh giá thành tựu kinh tế - xã hội của một quốc gia, thường được đo lường thông qua mức độ gia tăng của tổng sản phẩm quốc gia (GNP) hoặc tổng sản phẩm quốc nội (GDP). Điều này được xem như cơ sở và nền tảng cho việc giải quyết hàng loạt các vấn đề kinh tế và xã hội. Do đó, rất nhiều quốc gia lấy tăng trưởng kinh tế và ưu tiên cho tăng trưởng như là một giải pháp tối ưu cho sự phát triển.

Việc ép tăng trưởng quá sức chịu đựng của hạ tầng xã hội cũng sẽ làm cho nền kinh tế trở nên quá nóng, dẫn đến nảy sinh các vấn đề xã hội như di dân, sự chênh lệch thu nhập, ô nhiễm môi trường.

Thứ hai, quan điểm ưu tiên thực hiện chính sách xã hội, coi thực hiện chính sách đảm bảo công bằng xã hội là động lực của tăng trưởng kinh tế. Theo quan điểm này, ưu tiên thực hiện chính sách xã hội được coi là nhân tố cơ bản thúc đẩy tăng trưởng kinh tế. Tuy nhiên, mô hình này lại tỏ ra thiếu bền vững. Bởi lẽ, để đảm bảo các chính sách an sinh xã hội, nhà nước phải đánh thuế lũy tiến đối với thu nhập với mức cao. Chính vì thế, quan điểm này có hạn những chệch, *thứ nhất*, người dân dễ lạm dụng chính sách về trợ cấp xã hội; *thứ hai*, việc bị đánh thuế cao vào thu nhập làm cho các nhà tư bản tìm cách chuyển dây chuyền công nghệ ra nước ngoài, tìm kiếm môi trường đầu tư có nhiều lợi ích hơn.

Thứ ba, quan điểm xây dựng mô hình phối kết hợp giữa tăng trưởng, phát triển kinh tế với thực hiện chính sách xã hội. Theo quan điểm này, bản thân kinh tế thị trường chứa đựng sự bất bình đẳng và luôn tái sản xuất mở rộng sự bất bình đẳng xã hội. Để đạt được mục tiêu thực hiện chính sách xã hội, cần thúc đẩy tăng trưởng kinh tế nhanh và điều tiết phân phối thu nhập thông qua chính sách xã hội. Điều này nhằm nâng cao mức sống của các nhóm dân cư có thu nhập thấp, đồng thời khắc phục những khó khăn kinh tế - xã hội do những rủi ro và bất lợi mà họ gặp

phải trong cuộc sống. Dù thiên lệch về bất kỳ phía nào thì cũng không có lợi cho sự phát triển và phát triển bền vững.

1.2.2.... Sự tác động của phát triển kinh tế đối với chính sách xã hội

Thứ nhất, phát triển kinh tế là điều kiện vật chất đảm bảo thực hiện tốt chính sách xã hội xuất phát từ mối quan hệ biện chứng giữa kinh tế và xã hội

Trình độ phát triển kinh tế tạo ra điều kiện vật chất cần thiết để triển khai thực hiện chính sách xã hội, khi đó mục tiêu xã hội trở thành đích đến của các hoạt động kinh tế. Bởi lẽ, trong quá trình phát triển kinh tế, chính sách xã hội sẽ tác động trực tiếp đến năng suất lao động và chất lượng nguồn nhân lực – những nhân tố quan trọng trong quá trình sản xuất. Thực hiện chính sách xã hội không chỉ là mục tiêu mà còn là động lực phát triển kinh tế, đảm bảo cho sự phát triển ổn định và bền vững.

Sự phát triển kinh tế có tác động mạnh mẽ đến việc thực hiện các chính sách xã hội, đóng vai trò quan trọng trong việc xác định khả năng và phương thức cung cấp các dịch vụ công, phúc lợi xã hội cũng như các chương trình phát triển con người. Phát triển kinh tế tạo ra nguồn lực tài chính thông qua thu thuế và các khoản thu khác để tích lũy, đầu tư cho phát triển và thực hiện các chương trình xã hội như y tế, giáo dục, bảo trợ xã hội và an sinh xã hội. Nền tảng kinh tế vững mạnh giúp nhà nước thực hiện mục tiêu dài hạn trong việc cải thiện đời sống người dân và giảm bớt bất bình đẳng. Phát triển kinh tế, nếu được quản lý và điều phối tốt, có thể giúp giảm bất bình đẳng thu nhập, cải thiện cơ hội tiếp cận dịch vụ công cộng cho các nhóm yếu thế và thúc đẩy phân phối phúc lợi công bằng.

Phát triển kinh tế tạo ra nhiều việc làm và tăng thu nhập cá nhân, từ đó giảm áp lực lên các chính sách hỗ trợ xã hội như trợ cấp thất nghiệp hay phúc lợi y tế. Sự gia tăng này có thể hỗ trợ nhà nước tập trung nhiều hơn vào các chính sách nâng cao chất lượng cuộc sống thông qua đầu tư vào giáo dục và y tế. Kinh tế phát triển bền vững có thể giảm áp lực lên các vấn đề xã hội lâu dài như nghèo đói, bất bình đẳng về cơ hội và chất lượng cuộc sống. Khi nền kinh tế mở rộng, nó mang lại sự ổn định xã hội và giảm thiểu các xung đột xã hội, từ đó tạo ra môi trường thuận lợi cho việc thực hiện các cải cách và chính sách xã hội. Sự phát triển kinh tế có thể mang đến nhiều lợi ích, nó cũng tạo ra các thách thức mới đối với việc quản lý các chính sách xã hội

như tốc độ đô thị hóa và di cư lao động, yêu cầu các chính sách xã hội cần thích nghi để đáp ứng nhu cầu ngày càng cao của dân số đô thị. Điều này đòi hỏi nhà nước phải có chiến lược quản lý hiệu quả để đảm bảo lợi ích của phát triển kinh tế với các nhóm lĩnh vực cụ thể.

Thứ hai, phát triển kinh tế là tiền đề cho việc hoạch định đường lối thực hiện chính sách xã hội theo chiến lược phát triển của đất nước

Sự tương tác và quy định lẫn nhau giữa phát triển kinh tế và thực hiện chính sách xã hội phản ánh tính bền vững của phát triển kinh tế, góp phần duy trì sự ổn định của nền kinh tế vĩ mô và bảo đảm an ninh kinh tế. Thúc đẩy chuyển dịch cơ cấu kinh tế, đổi mới mô hình tăng trưởng. Chú trọng phát triển kinh tế theo chiều sâu, kết hợp với đẩy mạnh phát triển kinh tế tri thức. Coi trọng bảo vệ và cải thiện môi trường sinh thái, chủ động ứng phó với biến đổi khí hậu trong quá trình phát triển kinh tế - xã hội.

Yêu cầu thực tiễn đặt ra rất cần thiết là phát huy các điều kiện sẵn có, tận dụng thành tựu khoa học và công nghệ để phát triển nhanh và bền vững. Phát triển bền vững là cơ sở của việc phát triển nhanh, ngược lại, phát triển nhanh tạo cơ sở, nguồn lực và điều kiện cho phát triển bền vững. Mọi liên hệ này được thể hiện chặt chẽ thông qua các quy hoạch, kế hoạch và chính sách phát triển kinh tế - xã hội trong mỗi giai đoạn và trong suốt quá trình phát triển.

1.2.3.... Sự tác động của chính sách xã hội đến phát triển kinh tế

Thứ nhất, thực hiện chính sách xã hội có tác động trực tiếp đến phát triển kinh tế

Chính sách xã hội tác động đến nâng cao chất lượng nguồn nhân lực được thể hiện thông qua những chính sách giáo dục, y tế. Nguồn nhân lực có trình độ, sức khỏe tốt không chỉ tác động tích cực đến nâng cao năng suất lao động mà còn làm giảm gánh nặng chi phí y tế cho cả cá nhân và xã hội. Chính sách xã hội có thể thúc đẩy tiêu dùng trong nước thông qua việc cung cấp trợ cấp, bảo hiểm xã hội, và các chương trình phúc lợi. Khi người dân đảm bảo nguồn thu nhập, an toàn về tài chính sẽ tạo ra nhu cầu tiêu dùng cao hơn trong nền kinh tế. Sự tác động của chính sách xã hội đến phát triển kinh tế còn được thể hiện giảm bất bình đẳng và mở rộng cơ hội kinh tế cho mọi người.

Thứ hai, thực hiện chính sách xã hội tốt sẽ trở thành nền tảng, động lực bền vững cho việc phát triển kinh tế cao và ổn định. Phát triển kinh tế không chỉ tạo ra cơ sở vật chất để thực hiện chính sách xã hội, mà khi chính

sách xã hội được triển khai một cách toàn diện, nó cũng đóng vai trò quan trọng trong việc thúc đẩy tiến bộ và công bằng xã hội và tạo động lực để thúc đẩy sự phát triển kinh tế. Điều quan trọng cần nhận thức là khó có thể triển khai hiệu quả chính sách xã hội trên một nền kinh tế lạc hậu, chất lượng thấp, thậm chí trì trệ, suy thoái hoặc khủng hoảng. Ngược lại, cũng không thể có một nền kinh tế tăng trưởng nhanh, hiệu quả, và bền vững trong một xã hội nơi đa số lao động có trình độ học vấn và kỹ năng tay nghề thấp, dân số sống trong tình trạng đói nghèo, thiếu việc làm, y tế không đảm bảo và môi trường sống bị hủy hoại, ô nhiễm. Trong mỗi giai đoạn phát triển, điều kiện kinh tế thay đổi thì chính sách xã hội phải thay đổi cho phù hợp với thực tiễn.

Thứ ba, chính sách xã hội phù hợp tạo động lực cho phát triển kinh tế, tái tạo nguồn nhân lực và duy trì xã hội trong trật tự, kỷ cương. Giải quyết các vấn đề thuộc chính sách xã hội là một lĩnh vực rất phức tạp, bởi đây là nơi mà mối quan hệ giữa con người được thể hiện rõ nhất. Mỗi cá nhân, cộng đồng và thành phần đều có những lợi ích và mang những nét văn hóa, thói quen, tập quán riêng. Do đó, thực hiện các giải pháp thông qua sự quản lý của nhà nước và sự tham gia tích cực của các tổ chức xã hội. Mục tiêu là tối đa hóa sự phát triển của từng cá nhân cũng như của toàn bộ cộng đồng và dân tộc trên toàn lãnh thổ quốc gia.

Kết luận chương 1

Trong chính sách phát triển kinh tế - xã hội ở nước ta, việc giải quyết mối liên hệ giữa phát triển kinh tế và thực hiện chính sách xã hội là một ưu tiên hàng đầu. Hiện nay, việc giải quyết mối quan hệ này không chỉ là một nhiệm vụ dài hạn mà còn là trọng tâm trong quá trình phát triển kinh tế - xã hội. Đặc biệt trong điều kiện của cuộc cách mạng 4.0 đang đặt ra bài toán về giải quyết mối quan hệ giữa tăng trưởng, phát triển kinh tế và thực hiện chính sách xã hội trong là nhiệm vụ cấp bách. Việt Nam không muốn bị tụt lại phía sau trong quá trình phát triển thì cần có giải pháp cụ thể, phù hợp để vẫn đảm bảo phát triển kinh tế, vẫn giữ được ổn định xã hội. Ổn định để phát triển là nguyên tắc nhất quán trong chiến lược phát triển kinh tế - xã hội.

Chương 2

NHỮNG YẾU TỐ TÁC ĐỘNG VÀ THỰC TRẠNG MỐI QUAN HỆ GIỮA PHÁT TRIỂN KINH TẾ VÀ THỰC HIỆN CHÍNH SÁCH XÃ HỘI

Ở TỈNH KIÊN GIANG HIỆN NAY

2.1. NHỮNG YẾU TỐ TÁC ĐỘNG ĐẾN MỐI QUAN HỆ GIỮA PHÁT TRIỂN KINH TẾ VÀ THỰC HIỆN CHÍNH SÁCH XÃ HỘI Ở TỈNH KIÊN GIANG HIỆN NAY

Phát triển kinh tế với thực hiện chính sách xã hội ở Kiên Giang chịu tác động của nhiều yếu tố trong mối quan hệ qua lại, chi phối, quy định nhau. Mỗi yếu tố có tác động, ảnh hưởng đến mối quan hệ giữa phát triển kinh tế và thực hiện chính sách xã hội ở tỉnh Kiên Giang ở mức độ khác nhau. Những yếu tố chính ảnh hưởng đến phát triển kinh tế với thực hiện chính sách xã hội của tỉnh Kiên Giang gồm: *(1) Tác động của yếu tố địa lý – tự nhiên và yếu tố lịch sử, văn hóa và yếu tố kinh tế - xã hội; (2) Tác động của nền kinh tế thị trường, toàn cầu hóa, hội nhập quốc tế và sự phát triển khoa học công nghệ đến mối quan hệ giữa phát triển kinh tế và thực hiện chính sách xã hội ở tỉnh Kiên Giang; (3) Tác động của yếu tố biến đổi khí hậu, nước biển dâng đến mối quan hệ giữa phát triển kinh tế và thực hiện chính sách xã hội ở tỉnh Kiên Giang; (4) Vai trò định hướng của những chủ trương, chính sách của Đảng và Nhà nước về phát triển kinh tế và thực hiện chính sách xã hội*

Mối quan hệ giữa phát triển kinh tế và thực hiện chính sách xã hội ở Kiên Giang chịu tác động bởi nhiều yếu tố, từ điều kiện địa lý – tự nhiên, truyền thống lịch sử – xã hội đến những biến động của môi trường toàn cầu. Trước hết, đặc điểm vị trí địa lý, tài nguyên và bối cảnh lịch sử – xã hội tạo nên nền tảng ban đầu và định hướng dài hạn cho quá trình phát triển. Bên cạnh đó, sự tác động mạnh mẽ của nền kinh tế thị trường, quá trình toàn cầu hóa, hội nhập quốc tế và tiến bộ khoa học – công nghệ đặt ra cả cơ hội lẫn thách thức trong việc vừa thúc đẩy tăng trưởng, vừa bảo đảm công bằng xã hội. Đồng thời, biến đổi khí hậu và nước biển dâng đang ngày càng ảnh hưởng tiêu cực đến sinh kế người dân và an sinh xã hội, đòi hỏi sự thích ứng linh hoạt trong những chính sách phát triển. Quan trọng nhất, vai trò định hướng chiến lược của Đảng và Nhà nước có tính chất quyết định trong việc điều tiết các yếu tố này, bảo đảm sự phát triển kinh tế đi đôi với tiến bộ và công bằng xã hội theo định hướng xã hội chủ nghĩa.

2.2. THỰC TRẠNG MỐI QUAN HỆ GIỮA PHÁT TRIỂN KINH TẾ VÀ THỰC HIỆN CHÍNH SÁCH XÃ HỘI Ở TỈNH KIÊN GIANG HIỆN NAY

2.2.1. Thực trạng gắn kết phát triển kinh tế đến thực hiện chính sách xã hội ở tỉnh Kiên Giang

Thứ nhất, phát triển kinh tế tác động đến vấn đề lao động, đào tạo nghề và giải quyết việc làm ở Kiên Giang. Từ những năm 2000 đến nay, kinh tế Kiên Giang tăng trưởng với tốc độ cao và khá ổn định trong đã giúp nâng cao thu nhập, cải thiện đời sống của nhân dân. Giai đoạn 2001-2005, tăng trưởng kinh tế bình quân đạt 11,3%; Giai đoạn 2006-2010, tăng trưởng kinh tế bình quân đạt 11,6%; Giai đoạn 2011-2015, tốc độ tăng trưởng kinh tế bình quân 10,4%; Giai đoạn 2015 – 2020 đạt 7.22%. Quá trình chuyển dịch cơ cấu lao động ở Kiên Giang diễn ra theo chiều hướng tăng tỷ lệ lao động phi nông nghiệp và giảm tỷ lệ lao động trong lĩnh vực nông nghiệp. Tỷ lệ lao động nông nghiệp giảm qua từng giai đoạn. Năm 2000 tỷ lệ lao động trong lĩnh vực nông nghiệp là 74,6% đến năm 2022 là 41,41%.

Phát triển kinh tế tác động đến chính sách bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế. Hiện nay, tỷ lệ bao phủ bảo hiểm y tế, bảo hiểm xã hội trong toàn tỉnh đã thực hiện đã đảm bảo an sinh xã hội cho người dân, người lao động. Số người tham gia bảo hiểm y tế trên địa bàn tỉnh 1.533.982 người (88,5% dân số). Tổng số người tham gia bảo hiểm xã hội tự nguyện 18.395 người, chiếm 2,46% so với lực lượng lao động. Số người tham gia bảo hiểm xã hội bắt buộc 101.604 người, đạt 97,41% kế hoạch, chiếm 13,58% so với lực lượng lao động. Quyền lợi người tham gia bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế được đảm bảo đầy đủ, kịp thời, chính xác; việc thực hiện các chế độ trợ cấp, trả lương hưu cho người thụ hưởng bảo hiểm xã hội thực hiện đúng quy định.

Phát triển kinh tế tác động đến thực hiện chính sách xóa đói giảm nghèo. Tăng trưởng phát triển kinh tế tác động mạnh đến quá trình giảm nghèo. Từ đầu những năm 2000, số hộ nghèo còn khá lớn (10,13%), bằng việc thực hiện các chính sách giảm nghèo của Trung ương, Kiên Giang đã có nhiều giải pháp để thực hiện giảm nghèo, một mặt đề ra giải pháp thúc đẩy tăng trưởng kinh tế, tạo việc làm cho người lao động, mặt khác bằng các biện pháp hỗ trợ vốn, kỹ thuật để người dân chuyển đổi cơ cấu cây trồng vật nuôi, tạo việc làm tại chỗ cho lao động nông thôn đã từng bước góp phần giảm tỷ lệ hộ nghèo trong toàn tỉnh. Kết thúc giai đoạn 2000 – 2005, tỷ lệ hộ

nghèo đã giảm từ 10,13% xuống còn 5,87%. Giai đoạn 2005 - 2010, tỷ lệ hộ nghèo trên toàn tỉnh đã giảm từ 14,02% (46.775 hộ) xuống 8,84% (34.973 hộ). Giai đoạn 2011 – 2015, số hộ nghèo cũng đã giảm mạnh từ 7,23% (29.066 hộ) năm 2011 còn 1,44% (6.070 hộ) năm 2015. Giai đoạn 2016 – 2020 số hộ nghèo của Kiên Giang theo chuẩn tiếp cận đa chiều giảm từ 4,52% (3.001 hộ) năm 2016 xuống còn 2,69% năm 2020, đến năm 2023, tỷ lệ hộ nghèo còn 1,4%. Cùng với quá trình giảm nghèo, thu nhập bình quân đầu người tăng trong mỗi giai đoạn từ 4,7 triệu đồng/người năm 2000 lên 58,1 triệu đồng năm 2020 và năm 2022 là 66,2 triệu đồng, năm 2023 là 73,3 triệu đồng. Đời sống vật chất và tinh thần của người có công từng bước được cải thiện, hiện 98% hộ gia đình người có công có mức sống bằng hoặc cao hơn các hộ gia đình sống trên cùng địa bàn; 145 xã, phường, thị trấn đều thực hiện tốt công tác chăm lo cho gia đình người có công với cách mạng; 100% Bà mẹ Việt Nam anh hùng còn sống được các tổ chức và cá nhân nhận phụng dưỡng suốt đời. Thực hiện tốt trợ cấp xã hội theo quy định của nhà nước đối với thương binh, gia đình liệt sỹ, người có công với nước. Những hạn chế cũng bộ lộ được nhận định như: Quá trình chuyển dịch nội bộ cơ cấu ngành kinh tế diễn ra còn chậm, các ngành có giá trị kinh tế và giá trị gia tăng còn thấp, các ngành thế mạnh như nông nghiệp, nuôi trồng thủy sản, dịch vụ kinh tế biển chưa được đầu tư, còn manh mún, thiếu chiều sâu; Tỷ lệ hộ nghèo tuy có giảm nhưng thiếu bền vững, nguy cơ tái nghèo còn cao ở vùng đồng bào dân tộc, vùng biên giới, vùng sâu.

2.2.2. Thực trạng tác động của thực hiện chính sách xã hội đến phát triển kinh tế ở tỉnh Kiên Giang

Thứ nhất, thực hiện chính sách việc làm, đào tạo nghề tác động đến phát triển kinh tế. Xuất phát từ quan điểm chính sách kinh tế phải đi cùng chính sách xã hội, tỉnh Kiên Giang đã chủ động, tích cực trong việc triển khai các chương trình về đào tạo nghề, giải quyết việc làm. Chất lượng giáo dục được nâng lên, đến năm 2020 có 257 trường đạt chuẩn quốc gia, tỷ lệ giáo viên và cán bộ quản lý đạt chuẩn trên 90%. Tỷ lệ học sinh thi đỗ tốt nghiệp THPT hàng năm đạt trên 97%; tỷ lệ huy động học sinh 6-14 tuổi đạt 97%, hoàn thành phổ cập giáo dục mầm non 05 tuổi vào năm 2016. Duy trì kết quả chương trình xóa mù và sau xóa mù chữ, phổ cập giáo dục tiểu học, phổ cập trung học cơ sở, hoàn thành phổ cập THPT vào năm 2020. Đến nay, Kiên Giang đã đảm bảo về số

trường, lớp, giáo viên và cơ sở vật chất phục vụ cho công tác giáo dục, nâng cao chất lượng đào tạo nguồn nhân lực. Đến năm 2020, có 27 đơn vị trường và cơ sở dạy nghề trong tỉnh đã tổ chức dạy nghề cho người lao động; dạy nghề thường xuyên 31.928 người, góp phần nâng tỷ lệ lao động qua đào tạo lên 67%, tỷ lệ lao động qua đào tạo có bằng cấp, chứng chỉ đạt 50%. Chính sách đào tạo và giải quyết việc làm tác động đến tăng trưởng kinh tế. Thông qua việc giải quyết việc làm, đặc biệt lao động trong các khu vực phi chính thức đã kéo theo tỷ lệ thất nghiệp giảm. Các chính sách hỗ trợ cho lao động đi làm việc ở nước ngoài được chú trọng, mở rộng thị trường lao động, tăng cơ hội có việc làm. Lao động được đào tạo là cơ sở để có việc làm bền vững, thu nhập ổn định, thực hiện chính sách xã hội theo nguyên tắc đóng – hưởng giúp người lao động yên tâm làm việc, đóng góp vào quá trình phát triển.

Thứ hai, chính sách bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, bảo hiểm thất nghiệp tác động đến phát triển kinh tế ở Kiên Giang. Chính sách bảo hiểm xã hội đã từng bước củng cố và thể hiện vai trò quan trọng là một trụ cột của hệ thống an sinh xã hội, cung cấp sự đảm bảo thay thế hoặc hỗ trợ một phần thu nhập cho người lao động khi họ phải đối mặt với các rủi ro trong cuộc sống. Bảo hiểm xã hội, bảo hiểm thất nghiệp được thực hiện chính là sự phân phối thu nhập theo hướng có lợi cho người tham gia, giảm khoảng cách giàu nghèo, phát huy nội lực của người lao động trong quá trình sản xuất, lao động trong nền kinh tế.

Thứ ba, chính sách xóa đói, giảm nghèo tác động đến phát triển kinh tế của tỉnh Kiên Giang. Chính sách xóa đói, giảm nghèo còn góp phần đảm bảo sự hài hòa giữa tăng trưởng kinh tế với tiến bộ công bằng xã hội bằng việc giảm chênh lệch giữa nhóm có thu nhập cao với nhóm có thu nhập thấp, tạo điều kiện để đối tượng chính sách vươn lên thoát nghèo, thay đổi nếp nghĩ, xóa bỏ tư tưởng an phận, trông chờ, dựa dẫm vào chính sách của nhà nước. Khi công tác xóa đói, giảm nghèo được thực hiện tốt, người dân có thu nhập ổn định, mức sống tăng lên, khả năng tích lũy tái đầu tư vào các dịch vụ của nền kinh tế: tiêu dùng, giải trí, nâng cao trình độ văn hóa, du lịch, giáo dục sẽ đóng góp vào quá trình tăng trưởng.

Kết luận chương 2

Kinh tế - xã hội của Kiên Giang là một phần không thể tách rời trong sự phát triển của Đồng bằng sông Cửu Long và cả nước. Mối quan hệ giữa phát triển kinh tế và thực hiện chính sách xã hội là một chiến lược trong phát triển kinh tế xã hội. Trong những năm qua, các chủ trương và chính sách phát triển kinh tế, cũng như việc thực hiện chính sách xã hội, đã tác động trực tiếp đến sự phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh. Đời sống của nhân dân không ngừng được cải thiện, cơ cấu kinh tế chuyển dịch đúng hướng, các tiềm năng và lợi thế đã được khai thác, phát huy phục vụ quá trình phát triển. Các chính sách chăm lo về y tế, giáo dục - đào tạo, văn hóa, và xóa đói giảm nghèo đã thực sự mang lại lợi ích thiết thực cho nhân dân.

Những đặc điểm đặc trưng trong phát triển kinh tế xã hội của tỉnh Kiên Giang trong thời gian vừa qua là sự vận dụng sáng tạo những chủ trương, đường lối của Đảng vào điều kiện Kiên Giang. Trên cơ sở phát huy những điều kiện lợi thế của mình, kinh tế xã hội của tỉnh Kiên Giang có nhiều thay đổi tích cực cả về chất và lượng, đã từng bước khẳng định vị thế phát triển kinh tế xã hội của tỉnh trong khu vực. Hiện nay, Kiên Giang đang chịu tác động mạnh của biến đổi khí hậu như hạn hán, xâm ngập mặn, lượng phù sa hàng năm giảm đang đe dọa đến sản xuất nông nghiệp, nuôi trồng thủy sản và ảnh hưởng trực tiếp đến sinh kế của người dân, nhất là vùng ven biển. Điều này đặt ra bài toán trong quá trình phát triển bền vững kinh tế xã hội đòi hỏi tỉnh Kiên Giang cần có những quyết sách đúng đắn để cùng với các tỉnh khu vực đồng bằng sông Cửu Long phát triển bền vững và thích ứng với biến đổi khí hậu.

Để đảm bảo phát triển kinh tế và thực hiện chính sách xã hội đạt hiệu quả trong những năm tới đòi hỏi Đảng bộ, chính quyền tỉnh Kiên Giang cần có những kế hoạch, giải pháp cụ thể, phát huy lợi thế, tiềm năng của tỉnh để đẩy mạnh phát triển kinh tế. Tận dụng những tác động tích cực của các yếu tố ảnh hưởng đến phát triển kinh tế xã hội để đẩy nhanh quá trình phát triển. Đồng thời có những chính sách phù hợp để hạn chế tối đa những tác động tiêu cực của nó để đảm bảo sự phát triển bền vững trong hiện tại và tương lai.

Chương 3

PHƯƠNG HƯỚNG VÀ GIẢI PHÁP NHẪM GIẢI QUYẾT HIỆU QUẢ MỐI QUAN HỆ GIỮA PHÁT TRIỂN KINH TẾ VÀ THỰC HIỆN CHÍNH SÁCH XÃ HỘI Ở TỈNH KIÊN GIANG HIỆN NAY

3.1. PHƯƠNG HƯỚNG CƠ BẢN THỰC HIỆN HIỆU QUẢ MỐI QUAN HỆ GIỮA PHÁT TRIỂN KINH TẾ VÀ THỰC HIỆN CHÍNH SÁCH XÃ HỘI Ở TỈNH KIÊN GIANG HIỆN NAY

Xuất phát từ phân tích thực trạng mối quan hệ giữa phát triển kinh tế với chính sách xã hội; từ mục tiêu, nhiệm vụ phát triển kinh tế xã hội ở Kiên Giang đến năm 2025 và tầm nhìn đến năm 2030 đã được Đảng bộ Kiên Giang đề ra trong đại hội đảng bộ lần thứ XI. Luận án đề xuất những phương hướng nhằm thực hiện tốt hơn mối quan hệ này ở Kiên Giang trong thời gian tới.

3.1.1. Phát triển kinh tế và thực hiện chính sách xã hội xuất phát từ mục tiêu chiến lược phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh Kiên Giang

Một là, phát huy tiềm năng, thế mạnh, huy động nguồn lực để thúc đẩy tăng trưởng kinh, biến những tiềm năng, thế mạnh để đưa Kiên Giang trở thành tỉnh có sự phát triển cao trong vùng đồng bằng sông Cửu Long và khá trong cả nước. Thực hiện hội nhập kinh tế quốc tế theo hướng tăng xuất khẩu và thu hút vốn đầu tư nước ngoài, thúc đẩy chuyển biến cơ bản toàn diện nền kinh tế theo hướng hiện đại. Tận dụng sự phát triển của khoa học kỹ thuật, công nghệ để thúc đẩy chuyển dịch cơ cấu kinh tế theo hướng phát triển các ngành thế mạnh, giá trị gia tăng cao, gắn với chuyển dịch cơ cấu lao động theo hướng giảm dần lao động trong nông nghiệp sang các lĩnh vực công nghiệp, dịch vụ, du lịch. Phát triển kinh tế đi đôi với thực hiện chính sách an sinh xã hội và nâng cao chất lượng đời sống người dân.

Hai là, phát triển kinh tế và thực hiện chính sách xã hội đi đôi với phát triển nguồn nhân lực. Sự thống nhất trong chính sách kinh tế với chính sách xã hội thể hiện ở mục tiêu phát triển của con người, nguồn nhân lực được đào tạo có chuyên môn cao, có kỷ luật và bản lĩnh là lực lượng trực tiếp phục vụ và thúc đẩy phát triển kinh tế. Đầu tư vào con người thông qua hệ thống chính sách như miễn học phí, đào tạo nghề, chăm sóc y tế, xóa đói, giảm nghèo sẽ tạo ra sự lan tỏa, mang đến sự công bằng trong việc tạo cơ hội phát triển và thụ hưởng từ những lợi ích của quá trình phát triển.

Ba là, trong mối quan hệ giữa phát triển kinh tế và thực hiện chính sách xã hội, cần đặc biệt nhấn mạnh vai trò quản lý, điều tiết của bộ máy chính quyền trong việc xử lý các yếu tố có nguy cơ làm gia tăng bất bình đẳng xã hội. Chính quyền không chỉ đóng vai trò ban hành chủ trương, chính sách mà còn phải tổ chức thực thi hiệu quả, đảm bảo sự phối hợp đồng bộ giữa các ngành, các cấp. Vai trò quản lý và điều tiết này cần được thể hiện thông qua việc hoạch định và triển khai các chính sách kinh tế – xã hội có trọng tâm, trọng điểm, phù hợp với thực tiễn địa phương.

Bốn là, phát triển kinh tế với thực hiện chính sách xã hội phải khuyến khích làm giàu hợp pháp cùng với xóa đói giảm nghèo bền vững. Nâng cao năng lực thị trường, đa dạng hóa ngành nghề và mở rộng tiếp cận các dịch vụ xã hội thiết yếu như giáo dục, y tế, nhà ở. Phát triển mạnh kết cấu hạ tầng giao thông kết nối với các khu vực trong tỉnh và khu vực để hàng hóa được lưu thông ngoài thị trường thuận lợi, nâng cao giá trị sản phẩm. Thực hiện hiệu quả các chương trình mục tiêu quốc gia về xây dựng nông thôn mới, chương trình xóa đói, giảm nghèo, phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi đảm bảo sự phát triển hài hòa, cân đối giữa các vùng miền và thúc đẩy tiến bộ công bằng xã hội, góp phần nâng cao chất lượng cuộc sống của người dân.

3.1.2. Phát triển kinh tế và thực hiện chính sách xã hội cần khai thác hợp lý, hiệu quả các nguồn lực xã hội và tiềm năng, thế mạnh của tỉnh Kiên Giang kết hợp với liên kết vùng

Với điều kiện thuận lợi về vị trí địa lý, điều kiện tự nhiên và đặc điểm văn hóa của con người Nam Bộ đã tạo ra những điều kiện thuận lợi cho tỉnh đẩy mạnh phát triển kinh tế và thực hiện chính sách xã hội. Trong quá trình đó cần khai thác hợp lý các nguồn lực xã hội và tận dụng tiềm năng cũng như thế mạnh của tỉnh, đồng thời xây dựng liên kết vùng để tăng cường hiệu quả và sức cạnh tranh trong quá trình hội nhập. Đây là phương hướng quan trọng để xác định các điều kiện, nguồn lực giải quyết hiệu quả mối quan hệ giữa phát triển kinh tế và thực hiện chính sách xã hội trong quá trình phát triển.

Khai thác hiệu quả nguồn lực xã hội là yếu tố cốt lõi thúc đẩy phát triển kinh tế tỉnh Kiên Giang. Nguồn lực này bao gồm năng lực, trí tuệ và tài năng của con người, khi được tận dụng hợp lý sẽ trực tiếp đóng góp vào sự tăng trưởng kinh tế. Cụ thể, việc tạo cơ hội công bằng, bình đẳng cho mỗi cá nhân và doanh

nghiệp có động lực mạnh mẽ để nỗ lực sáng tạo, nâng cao năng suất và hiệu quả lao động để tạo ra các sản phẩm, dịch vụ và công nghệ mới – những nhân tố thiết yếu thúc đẩy tiến bộ kinh tế.

Để phát triển kinh tế và thực hiện chính sách xã hội hiệu quả, Tỉnh Kiên Giang cần tận dụng các nguồn lực và tiềm năng của mình, xây dựng liên kết vùng, nâng cao năng lực quản lý, đảm bảo tính công bằng và bền vững, đồng thời khuyến khích sự tham gia của cộng đồng và sự đổi mới sáng tạo. Chỉ thông qua sự kết hợp giữa phát triển kinh tế và chính sách xã hội, Tỉnh Kiên Giang mới có thể đạt được mục tiêu phát triển bền vững và nâng cao chất lượng cuộc sống cho người dân.

3.1.3. Thực hiện mối quan hệ giữa phát triển kinh tế và chính sách xã hội phải phù hợp với trình độ phát triển kinh tế - xã hội, khả năng huy động, cân đối nguồn lực của tỉnh Kiên Giang

Thứ nhất, cần nhận thức một cách đúng đắn mối quan hệ giữa phát triển kinh tế và thực hiện chính sách xã hội hướng đến phát triển bền vững và được cụ thể hóa trong chính sách phát triển của tỉnh đến toàn nhân dân và cả hệ thống chính trị.

Thứ hai, xây dựng hoàn thiện quan hệ phân phối – coi đây là một trong những điều kiện quan trọng trong phát triển kinh tế và thực hiện chính sách xã hội trong điều kiện nền kinh tế thị trường, định hướng xã hội chủ nghĩa. Thông qua quan hệ này mới huy động được nguồn lực phát triển trong các thành phần kinh tế và trong nhân dân.

Để phát triển kinh tế và thực hiện chính sách xã hội hiệu quả, bền vững đòi hỏi đảng bộ, chính quyền và nhân dân tỉnh Kiên Giang phải đảm bảo những nguyên tắc cơ bản sau đây:

Một là, phân bổ và sử dụng nguồn lực kinh tế của nhà nước và các nguồn lực của địa phương để thực hiện phát triển kinh tế và chính sách xã hội, đảm bảo phát triển kinh tế đi đôi với đảm bảo các quyền an sinh xã hội của người dân.

Hai là, thực hiện chính sách phân phối qua chính sách xã hội phải tạo động lực, điều kiện để cho các chủ thể nỗ lực vươn lên thoát nghèo, giảm nghèo trong cộng đồng dân cư giữa các khu vực.

Ba là, phân phối nguồn lực gắn với các chương trình mục tiêu quốc gia về xây dựng nông thôn mới, phát triển kinh tế, xã hội đồng bào dân tộc thiểu số và chương trình mục tiêu giảm nghèo bền vững.

Bốn là, thực hiện chính xã hội cần có trọng tâm, trọng điểm, đối tượng ưu tiên để tương ứng với nguồn lực của Tỉnh. Khi nguồn lực còn hạn chế mà có nhiều chương trình thì nguồn lực bị dàn trải, thiếu hiệu quả, gây lãng phí, thất thoát, tiêu cực. Do đó, cần phải tránh tư tưởng chia đều nguồn lực mà phải tập trung vào các chương trình quan trọng để đầu tư, hỗ trợ nhằm thúc đẩy kinh tế xã hội của khu vực, vùng, địa bàn, tạo thế cho thực hiện các mục tiêu thứ yếu tiếp theo.

3.2. MỘT SỐ GIẢI PHÁP CHỦ YẾU GIẢI QUYẾT HIỆU QUẢ MỐI QUAN HỆ GIỮA PHÁT TRIỂN KINH TẾ VÀ THỰC HIỆN CHÍNH SÁCH XÃ HỘI Ở TỈNH KIÊN GIANG HIỆN NAY

Mục tiêu, nhiệm vụ phát triển kinh tế và thực hiện chính sách xã hội được xác định trên các lĩnh vực: Tốc độ tăng trưởng kinh tế bình quân đạt 7,24 %/năm trở lên. Đến năm 2025, GRDP bình quân đạt 3.485 USD. Cơ cấu kinh tế: Nông - lâm - thủy sản chiếm tỷ trọng 25,2%, tỷ trọng công nghiệp - xây dựng đạt 19,8%, dịch vụ đạt 49,4%; *Thực hiện chính sách xã hội*: Huy động vốn đầu tư cho toàn xã hội giai đoạn 2020 - 2025 khoảng 267.128 tỷ đồng thực hiện đạt các mục tiêu phấn đấu: Giảm tỷ lệ hộ nghèo dưới 2% thực hiện tốt chính sách thoát nghèo bền vững đặc biệt là đối với đồng bào người Khmer. Tỷ lệ lao động qua đào tạo đạt 75%, trong đó đào tạo có bằng cấp 52.5%; giải quyết việc làm từ 35.000 lao động; Huy động học sinh từ 6 - 14 tuổi đến trường đạt 97% trở lên; Dịch vụ y tế, chăm sóc sức khỏe cho nhân dân được đảm bảo; 100% các trung tâm y tế xã đều có bác sĩ, y sĩ và y tá phục vụ tốt công tác chăm sóc sức khỏe nhân dân. Tỷ lệ dân số tham gia bảo hiểm y tế theo chỉ tiêu của Chính phủ; thực hiện 100% xã trong đất liền có đường từ huyện về trung tâm xã và 60% trở lên, đường liên ấp được nhựa hóa hoặc bê tông hóa; 98% hộ sử dụng điện; 96% số hộ được sử dụng nước hợp vệ sinh;

Xuất phát từ phân tích thực trạng mối quan hệ giữa phát triển kinh tế với chính sách xã hội; từ mục tiêu, nhiệm vụ phát triển kinh tế xã hội ở Kiên Giang đến năm 2025 và tầm nhìn đến năm 2030 đã được Đảng bộ Kiên Giang đề ra trong đại hội đảng bộ lần thứ XI. Luận án đề xuất những giải pháp nhằm thực hiện tốt hơn mối quan hệ này ở Kiên Giang trong thời gian tới: (1) Nâng cao nhận thức về mối quan hệ giữa phát triển kinh tế và thực hiện chính sách xã hội trong hệ thống chính trị và nhân dân tỉnh Kiên Giang; (2) Hoàn thiện cơ chế, chính sách phát triển kinh tế và chính sách xã hội nhằm xóa đói, giảm nghèo đảm bảo tiến bộ, công bằng xã hội, phát triển bền

vững ở Kiên Giang; (3) Chuyển dịch cơ cấu kinh tế, đổi mới mô hình tăng trưởng kinh tế Kiên Giang theo hướng bền vững gắn với bảo vệ môi trường sinh thái; (4). Phát triển bền vững kinh tế biển Kiên Giang kết hợp với khai thác thế mạnh kinh tế ven biển gắn với chuyển đổi sinh kế người dân trong bối cảnh biến đổi khí hậu; (5) Nâng cao hiệu lực, hiệu quả quản lý của bộ máy công quyền, đội ngũ cán bộ ở Kiên Giang trong quá trình phát triển kinh tế và thực hiện chính sách xã hội

Kết luận chương 3

Tỉnh Kiên Giang nằm ở phía Tây Nam của Việt Nam, có diện tích tự nhiên là 6.269 km², là tỉnh lớn nhất trong khu vực đồng bằng sông Cửu Long. Dân số của tỉnh khoảng hơn 1,7 triệu người với 3 dân tộc chính là Kinh, Khmer và Hoa. Trong đó, dân tộc Kinh chiếm đa số, trong khi dân tộc Khmer chiếm khoảng 13% dân số tỉnh, đứng thứ ba sau tỉnh Trà Vinh và Sóc Trăng.

Cùng với cả nước, tỉnh Kiên Giang đã tiến hành quá trình phát triển kinh tế xã hội theo đường lối, chính sách của Đảng Cộng sản Việt Nam có tính đến yếu tố đặc thù của tỉnh. Đường lối đúng đắn, kế hoạch cụ thể, chính sách phù hợp đã giúp cho quá trình phát triển kinh tế với thực hiện chính sách xã hội được thuận lợi và hiệu quả.

Cơ cấu kinh tế chuyển dịch đúng hướng, quá trình chuyển dịch cơ cấu kinh tế đã phát huy được lợi thế, tiềm năng của tỉnh trong lĩnh vực du lịch, kinh tế biển, nông nghiệp, thủy sản và công nghiệp chế biến. Đặc biệt, Phú Quốc được đầu tư và trở thành cực tăng trưởng mạnh và đóng góp vào sự phát triển kinh tế xã hội của Tỉnh. Chuyển dịch cơ cấu kinh tế hợp lý, thu nhập bình quân liên tục tăng, mức sống của nhân dân trong tỉnh luôn được cải thiện. Trên cơ sở đó, tỉnh Kiên Giang cũng đã thành công trong việc thực hiện các chính sách xã hội, tập trung vào các lĩnh vực như giảm nghèo, nâng cao giáo dục, chăm sóc y tế, phát triển nguồn nhân lực, giải quyết việc làm và nâng cao đời sống vật chất, tinh thần cho cộng đồng dân cư.

Để góp phần vào khắc phục những hạn chế, phát huy tính hiệu quả của thực hiện phát triển kinh tế và chính sách xã hội ở tỉnh Kiên Giang trong thời gian tới cần thực hiện một cách đồng bộ, thường xuyên, có hiệu quả những giải pháp sau:

Nâng cao nhận thức về mối quan hệ giữa phát triển kinh tế với thực hiện chính sách xã hội trong hệ thống chính trị và nhân dân;

Hoàn thiện cơ chế, chính sách phát triển kinh tế với chính sách xã hội nhằm đảm bảo tiến bộ, công bằng xã hội, phát triển bền vững;

Chuyển dịch cơ cấu kinh tế, đổi mới mô hình tăng trưởng kinh tế theo hướng bền vững gắn với bảo vệ môi trường sinh thái;

Phát triển bền vững kinh tế biển Kiên Giang kết hợp với khai thác thế mạnh kinh tế ven biển gắn với chuyển đổi sinh kế người dân trong bối cảnh biến đổi khí hậu;

Nâng cao hiệu lực, hiệu quả quản lý của bộ máy công quyền, đội ngũ cán bộ ở Kiên Giang trong quá trình phát triển kinh tế và thực hiện chính sách xã hội.

C. PHÂN KẾT LUẬN

Kiên Giang Là một trong 4 tỉnh nằm ở vùng kinh tế trọng điểm của Đồng Bằng sông Cửu Long. Quá trình phát triển kinh tế với chính sách xã hội của tỉnh chịu tác động của nhiều nhân tố như yếu tố địa lý – tự nhiên, kinh tế - xã hội, nền kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa, biến đổi khí hậu và nước biển dâng, tiến bộ của khoa học và công nghệ, toàn cầu hóa và những chủ chương, chính sách của Đảng và Nhà nước. Những yếu tố đó tác động không riêng rẽ đến phát triển kinh tế và thực hiện chính sách xã hội cả theo chiều hướng tích cực và tiêu cực. Sự phát triển kinh tế đã tạo điều kiện thực hiện chính sách xã hội theo hướng bền vững, góp phần chuyển dịch cơ cấu kinh tế, giải quyết việc làm cho người lao động, xóa đói, giảm nghèo bền vững, mở rộng đối tượng tham gia các loại hình bảo hiểm, cải thiện thu nhập của người dân. Ngược lại, chính sách xã hội góp phần nâng cao chất lượng nguồn nhân lực, giảm tỷ lệ thất nghiệp, chính sách bảo hiểm tạo bình đẳng thu nhập giữa các nhóm dân cư. Xóa đói giảm nghèo đã tạo điều kiện để giải quyết việc làm, tái đầu tư mở rộng sức lao động, nâng cao năng suất lao động đóng góp vào quá trình phát triển. Chính sách trợ giúp xã hội và chính sách đối với người có công, gia đình chính sách đã góp phần thực hiện tiến bộ và công bằng xã hội.

DANH MỤC CÁC CÔNG TRÌNH KHOA HỌC ĐÃ CÔNG BỐ LIÊN QUAN ĐẾN ĐỀ TÀI CỦA LUẬN ÁN

1. Nguyễn Khắc Trung. (2022). *Mối quan hệ giữa phát triển kinh tế với thực hiện chính sách xã hội ở Việt Nam hiện nay*. Tạp chí khoa học Đại học Văn Lang, ISSN: 2525-2429, Số 32; 3/2022, tr 46-52
2. Nguyễn Khắc Trung. (2022). *Nghiên cứu quan điểm của Chủ tịch Hồ Chí Minh về chính sách xã hội*, Tạp chí Giáo dục ISSN: 2354-0753, Tập 22, số đặc biệt 8; 7/2022, tr 1-6.